

# STRESS SYLABUS

## I. Giới thiệu

Tuy nhiên, khi xác định trọng âm của một từ nào đó, chúng ta cần xem xét đến một số thông tin sau:

- Về mặt hình thái, từ đó là từ đơn, từ phái sinh (có tiền tố/hậu tố) hay từ ghép.
- Từ loại của từ đó.
- Số lượng âm tiết của từ.
- Cấu trúc âm vị học của các âm tiết trong từ.
- Để làm dạng bài tập này trước tiên các em phải nhớ rằng **trọng âm chỉ rơi vào những âm tiết mạnh** tức là **những âm tiết có chứa nguyên âm mạnh, nguyên âm đôi hoặc nguyên âm dài**. Âm tiết yếu không có trọng âm.
- Tóm lại, âm tiết yếu (có chứa nguyên âm yếu, **tạm thời hiểu nhanh là có 3-/-/v/-/ə/**) là âm tiết không có trọng âm-không được nhấn âm. Âm mạnh là còn lại sau đây:

12 nguyên âm đơn, có “:” là nguyên âm dài, sắp theo từng cặp cho dễ nhìn:

[ɪ, i:] ; [ʊ, u:] ; [ɒ, ɔ:] ; [ə, ɜ:] ; [e, æ] ; [ʌ, ɑ:]

8 nguyên âm đôi:

[eɪ] , [aɪ] , [ɔɪ] , [əʊ] , [aʊ] , [ɪə] , [eə] , [ʊə]

## II. MỘT SỐ QUY TẮC ĐÁNH TRỌNG ÂM

### a. Từ hai âm tiết (Two-syllable words)

- Đối với động từ, tính từ, trạng từ và giới từ, danh từ có quy luật cơ bản như sau: nếu âm tiết thứ hai có chứa nguyên âm dài hoặc nguyên âm kép (ngoại trừ əʊ) thì trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai.

Ví dụ: arrive [ə'raɪv] (v), attract [ə'trækt] (v), correct [kə'rekt] (a), perfect ['pɜ:fɪkt] (a), alone [ə'ləʊn] (adv), inside [ɪn'saɪd] (prep), money ['mʌni], product ['prɒdʌkt], larynx ['lærɪŋks]

- Ngược lại, nếu âm tiết thứ hai có chứa nguyên âm ngắn hoặc nguyên âm kép əʊ, hoặc được kết thúc bằng một phụ âm thì trọng âm rơi vào âm tiết đầu.

Ví dụ: open [ə'ɒpən] (v), borrow ['bɒrəʊ] (v), lovely ['lʌvli] (a), sorry ['sɒri] (a), rather ['rɑ:ðə] (adv), balloon [bə'lu:n], design [di'zain], estate [ɪs'teɪt]...

- Đối với danh từ thường rơi vào âm đầu, còn động từ, tính từ thì rơi vào âm hai.

### b. Từ ba âm tiết (Three-syllable words) \* Đối với danh, động, tính từ:

- Nếu âm tiết cuối cùng là âm tiết mạnh, nó sẽ có trọng âm.

Ví dụ: entertain [ˌentə'teɪn], resurrect [ˌrezə'rekt] ...

- Nếu âm tiết cuối cùng là âm tiết yếu, trọng âm sẽ rơi vào âm tiết đứng ngay trước nó.

Ví dụ: encounter [ɪn'kaʊntə(r)], determine [dɪ'tɜ:mɪn] , statistics [stə'tɪstɪks], potato [pə'teɪtəʊ], disaster [dɪ'zɑ:stə(r); Mĩ -'zæs-] ...

- Nếu cả âm tiết hai và ba đều yếu, tất nhiên trọng âm sẽ rơi vào âm tiết đầu tiên.  
Ví dụ: advertise ['ædvətəɪz], speculate ['spekjəleɪt], quantity ['kwɒntəti], cinema ['sɪnəmə], emperor ['empərə]

### c. Từ ghép (từ có 2 phần)

- Đối với các danh từ ghép trọng âm rơi vào phần đầu: BLACKbird, GREENhouse...  
- Đối với các tính từ ghép trọng âm rơi vào phần thứ 2: bad-TEMPpered, old-FASHioned...  
- Đối với các động từ ghép trọng âm rơi vào phần thứ 2: overCOME, overFLOW...

### d. Từ phái sinh (derived words)

Từ phái sinh là những từ có cùng một hình thái từ gốc cộng với một hoặc nhiều phụ tố (affixes). Phụ tố bao gồm tiền tố (prefixes) và hậu tố (suffixes).

(i) Bản thân phụ tố mang trong âm chính. : \*Các phụ tố bản thân nó nhân trong âm câu:

-**ain** (entertain), -**ade**, -**aire**, -**een**, -**ee** (refugee, trainee), -**ese** (Portugese, Japanese), -**ique** (unique), -**ette** (cigarette, laundrette), -**esque** (picturesque), -**eer** (mountaineer), -**ality** (personality), -**oo** (bamboo), -**oon** (balloon), -**mental** (fundamental). Nhấn đầu ngữ, “Diff”, “o”

Ngoại lệ: *CENtigrade, COMrade, Decade, COffee, comMITtee, ENgine, Pedigree, Cukoo, TEAspoon, Semicircle ['semi,sɜ:kəl], personality [ˌpɜ:sə'næləti].*

(ii) Phụ tố không làm thay đổi trong âm chính của từ gốc. Các phụ tố không làm ảnh hưởng đến trong âm câu:

-**able**, -**age**, -**al**, -**en**, -**ful**, -**ing**, -**ish**, -**less**, -**ment**, -**ous**, -**er**, -**or**, -**ise/-ize**, -**hood**, -**like**, -**ship**, -**ness**, -**en**, **dis**, -**im**, -**in**, -**un**, -**non**, -**over**, -**re**.

Ví dụ: pleasant ['plezənt], unpleasant [ʌn'plezənt], market ['mɑ:kɪt], marketing ['mɑ:kɪtɪŋ].

Không nhấn: **re**, **be**, **de**, **dis**, **a**, **per**, **im**, **in com** (khác Com).

Lưu ý các từ *industry, compact, negative* (iii) Sự có mặt của phụ tố làm thay đổi vị trí của trọng âm chính của từ gốc. Ví dụ: *magnet ['mæɡnɪt], magnetic [mæɡ'netɪk].*

\*Trong các từ có các hậu tố dưới đây, trọng âm được đặt ở âm tiết ngay trước hậu tố:

-**ian** (musician), -**id** (stupid), -**ible** (possible), -**ish** (foolish), -**ive** (native), -**ous** (advantageous), -**ial(ly)** (proverbial, equatorial), -**ic** (climatic), -**ity** (ability, tranquility), -**ual**, -**tion**, -**sion**, -**ical**; -**ia**, -**iar**, -**ior**, -**ular**; **ience**, -**ient**, -**iance**, -**iant**, -**iency**; -**ious**, -**eous**; -**uous**; -**itive**, -**logy**, -**graphy**.

Ngoại lệ: *Arabic, aRithmetic, CAtholic, CHOleric, LUnatic, POLitic, RHEtoric; Television*

\*Trong các từ có các hậu tố dưới đây, trọng âm được đặt ở âm tiết thứ ba tính từ vắn cuối:

**-nomy, -tude, -try, -tute, -ate, -ary, -ce, -cy, -ty, -phy, -gy, -ical** (Với trường hợp này, trọng âm được đặt ở âm tiết thứ ba tính từ vắn cuối = trọng âm được đặt ở âm tiết ngay trước hậu tố -ical, vì hậu tố này đã gồm 2 âm tiết, được so sánh với trường hợp ngay bên trên!)

*Ngoại lệ: vaCATE; Hậu tố -ate khi thành lập động từ được đọc là /eɪt/, và khi thành lập danh từ hoặc tính từ -ate được đọc là /ət/; Những từ có hậu tố -ary có thêm trọng âm phụ trong cách nói của người Mỹ.*